

Bản án số: 112/2020/HN- ST
Ngày 14/12/2020
V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các H thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Nhân

Bà Đoàn Lệ Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày **09** tháng **12** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 344/2020/TLST-HN ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2020/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 339/2020/QĐST-HN ngày 09/12/2020 giữa:

*** Nguyên đơn:** Trần Thị H, sinh 1972 (có mặt)

Trú tại: ấp H Th, xã Tân H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:**

Mai Văn V, sinh 1968 (vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Ấp H Th, xã Tân H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị H trình bày:

Vào năm 1989 do mai mối, nên tôi và anh V đã tiến tới hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Phước H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu rồi chửi mắng đánh đập tôi, từ đó chúng tôi sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh V.

Quá trình sống chung chúng tôi có 03 con chung tên Mai Thị A, sinh năm 1990, Mai Thị B, sinh năm 1993 đã trưởng thành, Mai Trần C, sinh 2006 đang sống chung với anh V, tôi để anh V nuôi tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Mai Văn V vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm H đồng xét xử nghị án Thẩm phán, H thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ đầy đủ, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Mai Trần C cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, H đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Chị H cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị H có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị H là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Tân H, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn Mai Văn V đã được Tòa án triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Chị H, anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc trong thời gian dài có 03 con chung lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, từ

đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và anh, chị đã quyết định sống ly thân bỏ mặt cho nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh V đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh V không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị H. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa chị H đồng ý để cháu Mai Trần C, sinh năm 2006 cho anh V nuôi dưỡng, còn anh V sau khi Tòa án thụ lý vụ án, mặc dù anh đã nhận được thông báo của Tòa án về nội dung chị H yêu cầu nhưng anh cũng không có bất cứ văn bản nào gửi Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị H về con chung và cháu C sau khi được hỏi ý kiến thì cháu cũng có nguyện vọng sống cùng anh V và hiện tại cháu cũng đang sống với anh V, nên chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp, Đối với mức cấp dưỡng do anh V không có đơn yêu cầu nên không xem xét.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

[4] Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của H đồng ý xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Mai Văn V.

Về con chung: Anh V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Trần C, sinh 2006, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị H, anh V được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001099 ngày 24/9/2020 là đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M(1b);
- UBND xã Đa Phước H (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.H ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thanh Phong